

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT Ở VIỆT NAM: PHÂN TÍCH SWOT VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Nguyễn Thị Kim Hoa,
Trần Thị Văng⁺

Trung tâm Giáo dục Đặc biệt Quốc gia - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
+Tác giả liên hệ • Email: tranthuvision@gmail.com

Article history

Received: 19/12/2024

Accepted: 14/4/2025

Published: 20/6/2025

Keywords

Education, disability,
SWOT, SWOT analysis,
solutions, quality of
education for people with
disabilities

ABSTRACTs

The enactment of the Law on People with Disabilities represents a key advancement and foundation for enhancing Vietnam's legal framework and prioritizing education for individuals with disabilities. However, significant challenges remain in providing education to people with disabilities, particularly due to limited infrastructure, significant disparities in social awareness, and uneven distribution of specialized teaching staff. The study utilized the SWOT model to analyze the current situation of education for people with disabilities in Vietnam, identifying strengths, weaknesses, opportunities, and challenges within the education system. Based on this analysis, comprehensive measures are proposed, including infrastructure investment, strengthening teacher capacities, developing suitable curricula, as well as expanding international cooperation as well as community and family engagement. These solutions aim not only to warrant equal education rights for people with disabilities but also to foster an inclusive educational environment that contributes to a more tolerant and equitable society for all citizens.

1. Mở đầu

Giáo dục người khuyết tật (NKT) tại Việt Nam đã và đang là một lĩnh vực được quan tâm đặc biệt trong các chính sách phát triển xã hội bền vững. Từ khi Việt Nam tham gia Công ước quốc tế về quyền của NKT vào năm 2007 và ban hành Luật NKT năm 2010 (United Nations, 2006), những nỗ lực cải thiện giáo dục cho NKT đã đạt được nhiều tiến bộ. Việt Nam đã xây dựng một hệ thống pháp lý mạnh mẽ và phát triển nhiều hình thức giáo dục đa dạng như giáo dục hòa nhập, bán hòa nhập và chuyên biệt (Bộ GD-ĐT, 2020) nhằm giúp NKT có cơ hội học tập và phát triển cùng với xã hội.

Tuy nhiên, quá trình triển khai thực tế vẫn còn gặp nhiều thách thức. Tại nhiều vùng sâu, vùng xa và các khu vực có điều kiện kinh tế khó khăn, trẻ em khuyết tật vẫn gặp phải rào cản lớn trong việc tiếp cận giáo dục (Tổng cục Thống kê, 2016). Cơ sở vật chất chưa đáp ứng đủ nhu cầu đặc thù của HS khuyết tật, đội ngũ GV có chuyên môn còn thiếu hụt và phân bố không đều (Nguyễn Thị Hương Lan, 2021), và sự nhận thức của xã hội về giáo dục NKT còn chưa đồng bộ. Những yếu tố này làm gia tăng sự chênh lệch về cơ hội học tập giữa NKT và người không khuyết tật, từ đó gây ra bất bình đẳng trong xã hội. Ngoài ra, trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ, giáo dục dành cho NKT cần phải có những điều chỉnh phù hợp để không chỉ bắt kịp xu thế mà còn đáp ứng tối đa nhu cầu của từng cá nhân. Việc thúc đẩy giáo dục NKT không chỉ nhằm đảm bảo quyền lợi của họ mà còn góp phần tạo dựng một xã hội bao dung và công bằng, nơi mọi công dân, dù có khuyết tật hay không, đều có cơ hội phát triển toàn diện.

Vì vậy, bài báo này đề cập đến những điểm nổi bật trong giáo dục NKT, phân tích SWOT (điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ và thách thức) cũng như chỉ ra điểm nổi bật trong giáo dục NKT Việt Nam, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng giáo dục cho đối tượng này. Các giải pháp bao gồm cải thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực đội ngũ GV, phát triển chương trình giáo dục phù hợp với từng loại khuyết tật và tăng cường hợp tác quốc tế.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

- *Phân tích tài liệu:* Thu thập và phân tích các văn bản pháp luật, chính sách của Việt Nam liên quan đến NKT như Luật NKT 2010, Luật Giáo dục 2019, các thông tư, quyết định của Bộ GD-ĐT từ năm 2012 đến nay cũng như các tài liệu quốc tế như Công ước quốc tế về quyền của NKT. Phương pháp phân tích tài liệu đã giúp làm rõ cơ sở pháp lý và định hướng chính sách cho giáo dục NKT.

- *Thu thập và phân tích số liệu thứ cấp*: Sử dụng các số liệu thống kê từ các báo cáo dân số, báo cáo của Bộ GD-ĐT và các tổ chức quốc tế như UNICEF, UNESCO. Các số liệu này giúp làm rõ tình hình, quy mô và xu hướng của giáo dục NKT tại Việt Nam.

- *Phân tích so sánh quốc tế*: So sánh với các mô hình giáo dục NKT ở những nước có hệ thống giáo dục phát triển hoặc tương tự Việt Nam để tìm hiểu các phương pháp có thể áp dụng nhằm thu hẹp khoảng cách giáo dục cho NKT.

Chất lượng giáo dục cho NKT được hiểu là mức độ đáp ứng của hệ thống giáo dục đối với nhu cầu đa dạng của NKT, đảm bảo cho họ cơ hội tiếp cận, tham gia và đạt được kết quả giáo dục phù hợp với khả năng, điều kiện cá nhân, đồng thời thúc đẩy sự hòa nhập xã hội. Chất lượng này không chỉ đo lường qua kiến thức học thuật mà còn bao gồm cơ sở vật chất, đội ngũ GV, chương trình giảng dạy, công nghệ hỗ trợ, và sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình, cộng đồng. Vì vậy, nghiên cứu này không chỉ phân tích thực trạng giáo dục NKT tại Việt Nam mà còn hướng đến đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục dựa trên cách tiếp cận toàn diện.

2.2. Phân tích SWOT trong giáo dục người khuyết tật tại Việt Nam

Để đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp phù hợp, cần xác định các thành tố chính tạo nên chất lượng giáo dục cho NKT. Các thành tố này bao gồm: (1) Chính sách và khung pháp lý: Các quy định về giáo dục hòa nhập, chính sách hỗ trợ tài chính cho NKT; (2) Cơ sở vật chất và trang thiết bị: Môi trường học tập phải đảm bảo tính tiếp cận, có trang thiết bị hỗ trợ học tập phù hợp; (3) Đội ngũ GV và nhân viên hỗ trợ: GV cần được đào tạo chuyên sâu, có năng lực hỗ trợ HS khuyết tật; (4) Chương trình và phương pháp giảng dạy: Phải được điều chỉnh linh hoạt theo từng dạng khuyết tật, kết hợp phương pháp cá nhân hóa; (5) Sự tham gia của gia đình và cộng đồng: Gia đình đóng vai trò hỗ trợ học tập, cộng đồng tạo môi trường hòa nhập; (6) Ứng dụng công nghệ giáo dục: Công nghệ hỗ trợ giúp tăng khả năng tiếp cận và hiệu quả học tập. Dựa trên những thành tố trên, phần tiếp theo của bài báo sẽ phân tích thực trạng giáo dục NKT tại Việt Nam thông qua mô hình SWOT.

2.2.1. Điểm mạnh

- *Chính sách và pháp luật hỗ trợ vững chắc*: Chính phủ Việt Nam đã xây dựng và triển khai hệ thống chính sách và pháp luật mạnh mẽ nhằm đảm bảo quyền được giáo dục của NKT, tạo nền tảng pháp lý vững chắc cho giáo dục đặc biệt. Các văn bản như Hiến pháp, Luật NKT, Luật Giáo dục, cùng các nghị định và thông tư liên quan đều khẳng định quyền bình đẳng trong giáo dục của NKT. Ngoài ra, nhiều chương trình, đề án của Thủ tướng Chính phủ, như Đề án hỗ trợ NKT giai đoạn 2012-2020 và giai đoạn 2021-2030 (Thủ tướng Chính phủ, 2012, 2020); của Bộ GD-ĐT (2022, 2024) đã được ban hành để thực thi cam kết quốc tế về quyền của NKT. Đặc biệt, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định miễn học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ khuyết tật và Nghị định số 125/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục giúp các em dễ dàng tiếp cận giáo dục mà không gặp rào cản về tài chính (Chính phủ, 2021, 2024). Nhờ các chính sách này, hệ thống giáo dục đã đảm bảo môi trường học tập bình đẳng, giúp mọi trẻ khuyết tật đều có cơ hội học tập và phát triển theo năng lực của mình (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2020).

- *Mạng lưới giáo dục hòa nhập và chuyên biệt phát triển rộng rãi*: Việt Nam đã mở rộng hệ thống giáo dục hòa nhập phủ khắp các tỉnh thành, từ thành thị đến vùng sâu, vùng xa, đảm bảo trẻ khuyết tật ở khắp nơi đều có cơ hội tiếp cận giáo dục. Tỷ lệ NKT từ 15 tuổi trở lên biết chữ năm 2023 là 79,0%. So với năm 2016, tỷ lệ NKT từ 15 tuổi trở lên biết chữ năm 2023 tăng 4,5 điểm phần trăm. Tỷ lệ đi học đúng tuổi cấp tiểu học của trẻ em khuyết tật là 68,1%, cấp THCS là 53,0% và cấp THPT là 30,8% (Tổng cục Thống kê, 2024) nhờ vào việc thúc đẩy giáo dục hòa nhập tại tất cả các cấp học, từ mầm non đến THPT. Trong số các HS khuyết tật đang đến trường, có 94% đang học hòa nhập, gần 6% học trong các cơ sở giáo dục chuyên biệt hoặc trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập và một số rất ít đang học tại lớp chuyên biệt (trong trường hòa nhập). Các cơ sở này ngày càng mở rộng để đáp ứng nhu cầu của trẻ đơn tật, đa khuyết tật, đồng thời phát triển phương pháp giảng dạy đặc thù, đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả cho từng nhóm HS. Việc duy trì phương thức giáo dục chuyên biệt, bán hòa nhập và phát triển giáo dục hòa nhập giúp đảm bảo tính toàn diện, đa dạng và đáp ứng nhu cầu cá nhân của từng HS khuyết tật.

- *Mạng lưới trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập*: Mạng lưới trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập tại Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ trẻ khuyết tật tiếp cận giáo dục và phát triển kỹ năng. Tính tới tháng 6/2024, cả nước có 85 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập. Trong số đó, có 16 trung tâm công lập và 69 trung tâm tư thục (Bộ GD-ĐT, 2024). Phần lớn các trung tâm công lập chịu sự quản lý trực tiếp từ các Sở GD-ĐT, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT (Bộ GD-ĐT, 2022). Các trung tâm này đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp các dịch vụ từ can thiệp sớm, giáo dục mầm non tới THPT và hỗ trợ chuyên môn cho GV, HS khuyết tật và cả phụ huynh. Một số trung tâm còn thực hiện chương trình hướng nghiệp,

giúp HS khuyết tật có cơ hội phát triển nghề nghiệp phù hợp. Các trung tâm này đã góp phần thúc đẩy giáo dục hòa nhập trên toàn quốc, hỗ trợ phát triển năng lực giáo dục của GV và cung cấp những dịch vụ chuyên môn cần thiết cho cộng đồng. Các trung tâm công lập được Nhà nước đầu tư về cơ sở vật chất, đảm bảo phòng học, khu vệ sinh và bếp ăn, đồng thời HS khuyết tật theo học tại các trung tâm này được miễn học phí và nhận hỗ trợ tài chính, giúp giảm bớt gánh nặng cho gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Hệ thống trung tâm cũng góp phần thực hiện chính sách giáo dục hòa nhập, chuyển đổi từ mô hình trường chuyên biệt, đồng thời nâng cao nhận thức về quyền tiếp cận giáo dục của trẻ khuyết tật. Bên cạnh đó, các trung tâm tư thực tập trung cung cấp dịch vụ can thiệp sớm cho nhóm trẻ có rối loạn phát triển và hỗ trợ phát triển kỹ năng đặc thù. Tuy nhiên, hệ thống này vẫn tồn tại nhiều hạn chế. Số lượng trung tâm công lập còn ít, trong khi các trung tâm tư thực gặp khó khăn về cơ sở vật chất do phần lớn phải thuê mặt bằng, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ. Ngân sách Nhà nước chủ yếu tập trung vào vận hành, chưa đủ để đầu tư mạnh vào trang thiết bị hỗ trợ chuyên biệt cho trẻ khuyết tật. Một số trung tâm còn thiếu sân chơi, phòng y tế, khu nội trú, khiến việc chăm sóc và giáo dục HS chưa được tối ưu (Bộ GD-ĐT, 2024). Tình trạng trẻ có mức độ khuyết tật nặng chiếm tỉ lệ cao nhưng chưa có đủ GV được đào tạo chuyên sâu, dẫn đến khó khăn trong công tác giảng dạy. Ngoài ra, sự phối hợp giữa các trung tâm với trường học hòa nhập chưa thực sự hiệu quả, khiến HS khuyết tật vẫn gặp trở ngại trong quá trình học tập. Do đó, cần có những giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống, đảm bảo quyền lợi giáo dục cho trẻ khuyết tật một cách bền vững.

- *Đội ngũ nhân lực chuyên môn và đào tạo chuyên sâu*: Đội ngũ nhân lực phục vụ giáo dục hòa nhập và giáo dục đặc biệt tại Việt Nam đã không ngừng được củng cố về số lượng lẫn chất lượng. Hằng năm, trung bình mỗi năm có khoảng 600 GV giáo dục đặc biệt được đào tạo chính quy tại các trường đại học và cao đẳng sư phạm, cùng với các chương trình tập huấn thường xuyên cho hàng nghìn GV mầm non và phổ thông nhằm nâng cao năng lực giảng dạy hòa nhập (Bộ GD-ĐT, 2024). Từ năm 2020, các trường cao đẳng không còn được phép tuyển sinh ngành giáo dục đặc biệt, khiến nguy cơ thiếu hụt GV trong tương lai trở nên nghiêm trọng hơn. Bên cạnh đó, việc chưa có vị trí việc làm rõ ràng dành cho GV giáo dục đặc biệt trong các cơ sở công lập cũng khiến công tác tuyển dụng gặp nhiều khó khăn. Mặc dù đã có quy định về chức danh nhân viên hỗ trợ giáo dục NKT từ năm 2016, sửa đổi thành chức danh viên chức hỗ trợ giáo dục NKT trong các cơ sở giáo dục công lập năm 2023 nhưng đến nay, nhiều địa phương vẫn chưa thể triển khai tuyển dụng do những vướng mắc về cơ chế và kinh phí. Nếu không có những chính sách kịp thời và hiệu quả nhằm mở rộng đào tạo, tuyển dụng và phát triển đội ngũ nhân lực thì chất lượng giáo dục hòa nhập tại Việt Nam sẽ tiếp tục gặp nhiều trở ngại, ảnh hưởng đến quyền tiếp cận giáo dục của trẻ khuyết tật.

- *Cải thiện cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ trong giáo dục đặc biệt*: Cơ sở vật chất tại các trung tâm, cơ sở giáo dục chuyên biệt và các trường học hòa nhập đã được nâng cấp đáng kể, đáp ứng nhu cầu đặc thù của HS khuyết tật. Cơ sở hạ tầng được đầu tư bao gồm đường tiếp cận, các phòng chức năng, trang thiết bị hỗ trợ như sách chữ nổi, tài liệu ngôn ngữ kí hiệu và đồ dùng dạy học đặc thù. Đặc biệt, tại TP. Hồ Chí Minh, danh mục đồ chơi và thiết bị dạy học dành riêng cho HS khuyết tật đã được ban hành, giúp GV và phụ huynh dễ dàng tiếp cận và sử dụng. Bên cạnh đó, ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục cho HS khuyết tật đã mở ra nhiều phương thức học tập linh hoạt. Việc áp dụng công nghệ, đặc biệt trong thời kì COVID-19, giúp việc học trực tuyến trở nên phổ biến, tạo điều kiện cho HS khuyết tật học tập tại nhà và không bị gián đoạn. Những cải tiến này không chỉ nâng cao chất lượng giáo dục mà còn đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập đặc thù của HS khuyết tật.

2.2.2. Điểm yếu

- *Nhận thức xã hội chưa đồng đều về vai trò của giáo dục NKT*: Dù đã có nhiều thay đổi nhưng nhận thức xã hội về giáo dục NKT còn hạn chế. Nhiều phụ huynh vẫn chưa nhận thấy đầy đủ khả năng phát triển của con em mình, dẫn đến tâm lí phớt lờ hoặc ít hỗ trợ, tạo điều kiện cho các em tham gia học tập và hòa nhập xã hội. Một số địa phương xem việc giáo dục NKT đơn thuần là hoạt động từ thiện, thay vì là nhiệm vụ nhằm đảm bảo quyền bình đẳng giáo dục (Nguyễn Thị Hương Lan, 2021). Các chính sách ưu tiên như học bổng, cung cấp thiết bị học tập và hỗ trợ đặc thù cho HS khuyết tật thuộc diện nghèo và cận nghèo cũng chưa được thực hiện đồng bộ, làm giảm hiệu quả của hệ thống giáo dục hòa nhập.

- *Thiếu hụt và phân bố không đồng đều các cơ sở giáo dục chuyên biệt*: Mạng lưới cơ sở giáo dục cho NKT tại Việt Nam không chỉ thiếu về số lượng mà còn phân bố không đều, khiến nhiều trẻ em khuyết tật khó tiếp cận giáo dục. Hiện tại, chỉ có 34/63 tỉnh, thành phố có cơ sở giáo dục công lập chuyên biệt dành cho NKT, đa số tập trung ở các thành phố lớn (Bộ GD-ĐT, 2020). Ở những khu vực có điều kiện kinh tế khó khăn như miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, sự thiếu hụt các cơ sở này khiến cơ hội tiếp cận giáo dục của trẻ khuyết tật bị thu hẹp đáng kể, gây nên

sự bất bình đẳng giáo dục giữa các vùng. Đặc biệt, trong khi số lượng HS khuyết tật cần hỗ trợ ngày càng tăng, số lượng cơ sở mới lại không đáp ứng kịp, dẫn đến tình trạng quá tải và giảm chất lượng giáo dục.

- *Thiếu điều kiện cơ sở vật chất và thiết bị hỗ trợ đáp ứng tiêu chuẩn*: Mặc dù hệ thống trường học đã được đầu tư nâng cấp nhưng chỉ một tỉ lệ nhỏ trường học có cơ sở vật chất đạt chuẩn cho HS khuyết tật. Phần lớn trường học thiếu các lối đi tiếp cận, công trình vệ sinh phù hợp và trang thiết bị dạy học đặc thù như sách chữ nổi, tài liệu ngôn ngữ kí hiệu. Hiện tại, chỉ 2,9% trường tiểu học và THCS có thiết kế cơ sở vật chất phù hợp với trẻ khuyết tật (Nguyễn Văn Bình, 2022) và 9,9% trường có công trình vệ sinh đáp ứng nhu cầu đặc thù của các em. Ngoài ra, sự thiếu hụt GV được đào tạo về giáo dục đặc biệt cũng là một khó khăn lớn, khi các vị trí GV can thiệp chuyên biệt chưa được thiết lập tại các trường công lập. Tình trạng này khiến HS khuyết tật, đặc biệt là trẻ em mầm non và tiểu học, không được hỗ trợ tối ưu, làm hạn chế khả năng hòa nhập và phát triển toàn diện của các em.

- *Hợp tác xã hội trong giáo dục NKT còn thiếu đồng bộ*: Công tác giáo dục trẻ khuyết tật hiện chưa có một chương trình hành động quốc gia cụ thể và thiếu sự liên kết chặt chẽ giữa các cấp, ngành. Các chính sách giáo dục trẻ khuyết tật vẫn trong giai đoạn đầu triển khai, thiếu định hướng tổng thể và tính đồng bộ, dẫn đến việc nhiều trẻ khuyết tật không được học tập phù hợp hoặc không thể tiếp tục các bậc học cao hơn. Việc thiếu cơ chế hợp tác xã hội khiến trẻ khuyết tật gặp nhiều hạn chế khi bước vào thị trường lao động, khó cạnh tranh trong nền kinh tế hiện đại đòi hỏi trình độ và kĩ năng cao.

2.2.3. Thời cơ

- *Khung pháp lí mạnh mẽ và phù hợp với cam kết quốc tế*: Việt Nam đã tạo ra nền tảng pháp lí vững chắc cho giáo dục NKT thông qua việc kí kết Công ước của Liên hợp quốc về Quyền của NKT vào năm 2008 và phê chuẩn vào năm 2014 (UNICEF Vietnam, 2019). Điều này đã thúc đẩy Chính phủ ban hành một loạt chính sách cụ thể nhằm bảo đảm quyền được giáo dục cho NKT. Đáng chú ý là các Quyết định số 1019/QĐ-TTg và Quyết định số 1100/QĐ-TTg (Thủ tướng Chính phủ, 2012, 2016), trong đó cam kết hỗ trợ NKT giai đoạn 2012-2020 và thúc đẩy việc thực hiện các mục tiêu quốc tế về quyền của NKT. Những chính sách này tạo ra khung pháp lí và định hướng rõ ràng, bảo đảm giáo dục hòa nhập và cơ hội tiếp cận giáo dục bình đẳng cho HS khuyết tật trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- *Sự hỗ trợ và hợp tác từ các tổ chức quốc tế*: Giáo dục NKT tại Việt Nam nhận được sự hỗ trợ tích cực từ các tổ chức quốc tế như UNICEF, UNESCO và World Bank. Các tổ chức này đã tài trợ nhiều chương trình và cung cấp hỗ trợ kĩ thuật, giúp Việt Nam cải tiến chương trình giáo dục hòa nhập. Ví dụ, UNICEF đã tài trợ các chương trình đào tạo GV và trang bị kĩ năng giảng dạy cho HS khuyết tật, giúp nâng cao chất lượng giáo dục tại các trường phổ thông (United Nations, 2006). Các chương trình hợp tác quốc tế này không chỉ mang lại các nguồn lực quan trọng mà còn mở ra cơ hội cho giáo dục NKT tại Việt Nam tiếp cận với các mô hình giáo dục tiên tiến trên thế giới.

- *Gia tăng nhận thức xã hội về quyền và nhu cầu giáo dục của NKT*: Xã hội ngày càng nhận thức rõ ràng hơn về tầm quan trọng của giáo dục đối với NKT, không chỉ như một hoạt động nhân đạo mà còn là quyền lợi chính đáng. Gia đình và cộng đồng cũng tham gia tích cực vào các chương trình can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập, tạo môi trường học tập thân thiện và nâng cao cơ hội phát triển cho trẻ khuyết tật.

- *Ứng dụng văn hóa cộng đồng và truyền thống “tương thân tương ái”*: Truyền thống văn hóa “tương thân tương ái” của người Việt đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra một môi trường hỗ trợ cho NKT. Các mối quan hệ cộng đồng chặt chẽ, đặc biệt ở nông thôn và các vùng dân tộc thiểu số đã tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng các mô hình giáo dục hòa nhập dựa trên sự tham gia và ủng hộ của cộng đồng. Nhờ đó, trẻ khuyết tật nhận được sự hỗ trợ không chỉ từ nhà trường mà còn từ gia đình, bạn bè và cộng đồng, tạo ra nền tảng vững chắc để các em có thể học tập và phát triển toàn diện.

- *Thúc đẩy và phát triển công nghệ giáo dục*: Bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và đặc biệt là sau đại dịch COVID-19 đã thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục. Điều này giúp NKT tiếp cận các chương trình học trực tuyến, học tập linh hoạt và không bị gián đoạn. Các ứng dụng công nghệ và nền tảng học tập trực tuyến không chỉ mang lại sự tiện lợi mà còn giúp mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục cho trẻ khuyết tật, nhất là ở những vùng khó khăn hoặc thiếu cơ sở giáo dục chuyên biệt.

Các thời cơ trên cho thấy Việt Nam đang có điều kiện thuận lợi để thúc đẩy và nâng cao chất lượng giáo dục NKT, tạo ra môi trường học tập bình đẳng và phù hợp cho mọi đối tượng HS.

2.2.4. Thách thức

- *Nhận thức của phụ huynh về vai trò của giáo dục chưa đầy đủ*: Nhiều cha mẹ, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa và trong cộng đồng dân tộc thiểu số, vẫn chưa thấy hết tầm quan trọng của giáo dục đối với trẻ khuyết tật. Một số phụ huynh còn cảm thấy mặc cảm hoặc ngại công khai tình trạng khuyết tật của con, dẫn đến việc trẻ em bị cô lập

hoặc thiếu cơ hội tham gia giáo dục. Các chiến lược truyền thông nâng cao nhận thức là rất cần thiết để đảm bảo trẻ khuyết tật được hỗ trợ và tiếp cận đầy đủ các chính sách giáo dục và y tế.

- *Gia tăng số lượng trẻ khuyết tật nhận thức và thần kinh trong khi các dịch vụ hỗ trợ chưa đáp ứng*: Sự gia tăng dân số, ô nhiễm môi trường, và các yếu tố khác dẫn đến tỉ lệ trẻ khuyết tật nhận thức và thần kinh có xu hướng tăng lên (Tổng cục Thống kê, 2024). Tuy nhiên, các dịch vụ hỗ trợ về y tế, giáo dục, và xã hội vẫn chưa theo kịp nhu cầu thực tế. Hệ thống phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng còn hoạt động yếu kém, ảnh hưởng đến khả năng phát hiện và can thiệp sớm cho trẻ có nguy cơ khuyết tật (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2020).

- *Khó khăn trong tiếp cận giáo dục ở vùng sâu, vùng xa*: Do địa hình khó khăn và khoảng cách xa xôi, nhiều trẻ em khuyết tật ở vùng núi, hải đảo không thể tiếp cận giáo dục. Theo điều tra của Tổng cục Thống kê (2016), tỉ lệ trẻ khuyết tật đi học ở các vùng này còn rất thấp và những em có thể đi học cũng gặp nhiều rào cản như thiếu GV có chuyên môn và thiếu thiết bị hỗ trợ học tập.

- *Thông tin về trẻ khuyết tật còn thiếu và không nhất quán*: Sự thiếu hụt và không thống nhất về dữ liệu giữa các bộ ngành làm khó khăn cho việc xây dựng chính sách và tổ chức giáo dục cho trẻ khuyết tật. Hiện nay, số liệu về trẻ khuyết tật chủ yếu được thu thập qua các báo cáo hành chính và chưa có một cuộc khảo sát quy mô lớn nào để đánh giá đầy đủ thực trạng trẻ khuyết tật trên toàn quốc.

- *Thiếu GV và nhân viên hỗ trợ chuyên môn*: Số lượng GV và nhân viên hỗ trợ được đào tạo về giáo dục đặc biệt còn hạn chế, đặc biệt tại các trường công lập. Điều này dẫn đến việc nhiều HS khuyết tật không nhận được sự hỗ trợ chuyên môn cần thiết để phát triển toàn diện, làm ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục cho NKT.

- *Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học chưa đảm bảo*: Hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập còn thiếu thốn và chưa đồng bộ. Sự thiếu thốn này làm giảm hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục và cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng của HS khuyết tật.

2.3. Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục cho người khuyết tật

- *Cải thiện cơ sở hạ tầng và trang thiết bị hỗ trợ*: Để đảm bảo môi trường học tập phù hợp cho HS khuyết tật, việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng và trang thiết bị chuyên biệt là rất cần thiết (Nguyễn Văn Bình, 2022). Các trường học và trung tâm giáo dục cần được trang bị đầy đủ các thiết bị hỗ trợ học tập như sách chữ nổi, bảng viết dành cho HS khiếm thị, và thiết bị trợ thính. Đặc biệt, các trường ở vùng sâu, vùng xa, nơi điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế, cần nhận được sự hỗ trợ đặc biệt để đảm bảo rằng HS khuyết tật có điều kiện học tập bình đẳng.

- *Nâng cao năng lực đội ngũ GV và cán bộ hỗ trợ*: Để đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của HS khuyết tật, cần có một đội ngũ GV và cán bộ hỗ trợ được đào tạo chuyên sâu về giáo dục hòa nhập và giáo dục đặc biệt. Các chương trình đào tạo cần tập trung vào việc nâng cao kỹ năng sư phạm đặc thù và kỹ năng mềm để GV có thể hiểu và hỗ trợ tốt nhất cho từng dạng khuyết tật (Nguyễn Thị Thanh Hà, 2019). Đồng thời, việc ưu tiên tuyển dụng và áp dụng các chế độ đãi ngộ tốt giúp thu hút và giữ chân GV có trình độ, đảm bảo tính bền vững cho đội ngũ nhân lực này. Ngoài ra, việc tạo điều kiện để GV hợp tác với các chuyên gia y tế, trị liệu và nhân viên xã hội sẽ tăng cường khả năng chăm sóc toàn diện, giúp HS khuyết tật phát triển tốt hơn cả về mặt học tập lẫn kỹ năng sống.

- *Phát triển chương trình giáo dục phù hợp với đa dạng khuyết tật*: Các chương trình giáo dục cho NKT cần được điều chỉnh linh hoạt và cụ thể hóa cho từng dạng khuyết tật, nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu cá nhân của các em (Save the Children Vietnam, 2018). Cụ thể, nội dung chương trình cần được điều chỉnh phù hợp với khả năng nhận thức và khả năng tiếp thu của từng loại khuyết tật. Đồng thời, bổ sung các kỹ năng sống và kỹ năng xã hội giúp các em có thể hòa nhập tốt hơn với cộng đồng. Những cải tiến này sẽ giúp trẻ khuyết tật có một nền tảng vững chắc để tự lập và đóng góp cho xã hội trong tương lai, đồng thời khắc phục được những hạn chế của các chương trình giáo dục chung chưa đáp ứng đủ nhu cầu đặc thù của các em.

- *Tăng cường hỗ trợ từ gia đình và cộng đồng*: Để xây dựng một hệ sinh thái giáo dục hòa nhập hiệu quả, cần có sự đồng hành từ phía gia đình và cộng đồng. Việc nâng cao nhận thức của cộng đồng về vai trò của giáo dục đối với NKT thông qua các chương trình truyền thông là rất quan trọng. Các hoạt động này giúp xóa bỏ tâm lý thương hại và thay vào đó là sự hỗ trợ thực tế từ phía xã hội. Đồng thời, khuyến khích phụ huynh tham gia vào quá trình học tập của con, tạo điều kiện cho trẻ có một môi trường phát triển đồng đều giữa gia đình và nhà trường. Bên cạnh đó, phát triển các diễn đàn, câu lạc bộ chia sẻ kinh nghiệm sẽ giúp phụ huynh và GV hỗ trợ lẫn nhau trong việc tìm kiếm và áp dụng những phương pháp giáo dục phù hợp.

Những giải pháp trên nhằm nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục cho NKT, từ cơ sở vật chất, đội ngũ GV, chương trình học cho đến sự hỗ trợ của gia đình và cộng đồng, hướng tới xây dựng một môi trường giáo dục hòa nhập và công bằng.

3. Kết luận

Qua phân tích tình hình giáo dục NKT tại Việt Nam qua mô hình SWOT, nghiên cứu đã chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong hệ thống giáo dục. Điểm mạnh bao gồm các chính sách hỗ trợ tích cực từ Chính phủ, sự phát triển của các trung tâm giáo dục hòa nhập và chuyên biệt, cùng đội ngũ GV tận tâm (UNESCO & UNICEF, 2015; World Bank, 2020). Tuy nhiên, tồn tại một số điểm yếu, như sự thiếu hụt cơ sở vật chất, nhận thức xã hội chưa đồng đều và hạn chế trong đội ngũ GV chuyên biệt. Các cơ hội bao gồm khung pháp lý mạnh mẽ, sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế và tiềm năng ứng dụng công nghệ giáo dục, song song đó là những thách thức như khó khăn tiếp cận giáo dục ở vùng sâu, vùng xa và thiếu thống nhất trong thông tin về NKT. Trên cơ sở đó, các giải pháp cần triển khai đồng bộ và kết hợp chặt chẽ với các chương trình phục hồi chức năng cộng đồng (Bộ Y tế, 2018) và sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế như UNICEF, UNESCO và ILO (International Labour Organization, 2017; UNICEF Vietnam, 2019). Việc này không chỉ nâng cao chất lượng giáo dục mà còn đảm bảo sự công bằng, tạo cơ hội phát triển toàn diện cho NKT. Để đạt mục tiêu này, cần sự phối hợp chặt chẽ từ chính quyền, tổ chức xã hội, cộng đồng và gia đình NKT nhằm xây dựng môi trường giáo dục hòa nhập và hiệu quả cho NKT tại Việt Nam.

Lời cảm ơn: Bài báo này thuộc nhiệm vụ thường xuyên năm 2025 “Báo cáo giáo dục năm 2025 về lĩnh vực công bằng trong giáo dục đối với trẻ khuyết tật” của Trung tâm Giáo dục Đặc biệt Quốc gia.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2020). *Báo cáo tổng kết giáo dục hòa nhập cho người khuyết tật giai đoạn 2016-2020*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bộ GD-ĐT (2022). *Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT ngày 28/12/2022 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập*.
- Bộ GD-ĐT (2024). *Thông tư số 27/2024/TT-BGDĐT ngày 26/12/2024 ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật*.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2020). *Báo cáo tổng kết về Chính sách hỗ trợ người khuyết tật tại Việt Nam*.
- Bộ Y tế (2018). *Chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng dành cho người khuyết tật ở Việt Nam*.
- Chính phủ (2021). *Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo*.
- Chính phủ (2024). *Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực Giáo dục*.
- International Labour Organization (2017). *Skills Development and Employment for People with Disabilities in Asia and the Pacific*. Geneva: ILO Publications.
- Nguyễn Thị Hương Lan (2021). *Giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Nguyễn Thị Thanh Hà (2019). *Đào tạo giáo viên giáo dục đặc biệt: Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng*. NXB Đại học Sư phạm.
- Nguyễn Văn Bình (2022). Cải thiện cơ sở vật chất giáo dục người khuyết tật tại các vùng khó khăn của Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 7, 45-50.
- Save the Children Vietnam (2018). *Strengthening Inclusive Education for Children with Disabilities in Vietnam*.
- Tổng cục Thống kê (2016). *Điều tra quốc gia về người khuyết tật tại Việt Nam*. NXB Thống kê.
- Tổng cục Thống kê (2024). *Thông cáo báo chí về kết quả điều tra người khuyết tật năm 2023*. <https://www.gso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2024/11/thong-cao-bao-chi-ve-ket-qua-dieu-tra-nguoi-khuyet-tat-nam-2023/>
- Thủ tướng Chính phủ (2012). *Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05/8/2012 phê duyệt Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020*.
- Thủ tướng Chính phủ (2016). *Quyết định số 1100/QĐ-TTg ngày 21/6/2016 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện công ước của Liên Hợp Quốc về quyền của người khuyết tật*.
- Thủ tướng Chính phủ (2020). *Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030*.
- UNESCO & UNICEF (2015). *Guidelines for Inclusion: Ensuring Access to Education for All*. UNESCO Publishing.
- UNICEF Vietnam (2019). *Inclusive Education in Vietnam: Challenges and Opportunities*. UNICEF Vietnam.
- United Nations (2006). *Convention on the Rights of Persons with Disabilities*. New York: United Nations.
- World Bank (2020). *Vietnam Education Sector Analysis: An Analysis of Key Education Indicators and Access to Quality Education*.